TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hường - Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST-HN, ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Nhựt H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số F T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số F T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Nhựt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào ngày 20/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, xung đột thường xuyên xảy ra không có biện pháp khắc phục, nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà P.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Nhựt T, sinh năm 2002 và Trần Thị H1, sinh năm 2003. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết bà Lê Thị P mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H. Phiên tòa được mở lần thứ hai, bà P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nhựt H được ly hôn bà Lê Thị P.

- Về con chung: Ông H và bà P có 02 con chung tên Trần Nhựt T, sinh năm 2002 và Trần Thị H1, sinh năm 2003. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà P. Bà P cư ngụ tại phường M, thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà P vắng mặt không có lý do, ông H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị P.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông H và bà P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới nên được pháp luật công nhận là

vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo ông H trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, xung đột xảy ra thường xuyên. Thời gian sống ly thân từ năm 2020 đến nay cả hai không có giải pháp khắc phục, không có thiện chí hàn gắn. Do mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông H yêu cầu được ly hôn bà P.

Quá trình giải quyết vụ án bà P vắng mặt. Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên ngày 22/12/2023 thể hiện: Đương sự Lê Thị P, sinh năm 1979 có đăng ký thường trú tại số F khóm D, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do bà P vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà P biết nhưng bà P vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của ông H là bà P đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà P và ông H không quan tâm, không có biện pháp hòa giải để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai bà P tiếp tục vắng mặt là không có thiện chí đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn bà P.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Trần Nhựt T, sinh năm 2002 và Trần Thị H1, sinh năm 2003. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết. Bà P không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được từ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273;

khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nhựt H được ly hôn bà Lê Thị P.

2. Về con chung: Ông H và bà P có 02 (hai) con chung tên Trần Nhựt T, sinh năm 2002 và Trần Thị H1, sinh năm 2003. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Nhựt H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001310, ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Ông H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà P không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.